

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 451/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 11 năm 2022

Về việc: Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Huỳnh Hương

Bà Nguyễn Kim Lên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 576/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 417/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê K C, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 0, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Lê K C trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 2013 bà và ông Trần Văn M có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong thời gian chung sống do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Lê Thị Đ - sinh năm 2007 và Trần T H - sinh năm 2012, hiện đang sống cùng với ông M. Khi ly hôn bà thống nhất giao 02 con chung cho ông M nuôi dưỡng, bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Chi xác định không có.

*Đối với bị đơn ông Trần Văn M:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông M vẫn vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Bà Lê K C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê K C và ông Trần Văn M kết hôn với nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông M được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà C xác định không còn tình cảm yêu thương ông M, hôn nhân không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Bà C mong muốn được ly hôn và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với ông Trần Văn M, Tòa án đã thông báo cho ông M biết yêu cầu khởi kiện của bà C nhưng ông M không ý kiến gì và cũng không có văn bản gửi Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà C được ly hôn với ông M.

[3] Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Lê Thị Đ - sinh ngày 19/10/2007 và Trần Thái H - sinh ngày 04/7/2012, hiện đang sống cùng với ông M. Khi ly hôn, bà C thống nhất giao 02 con chung cho ông M tiếp tục nuôi dưỡng, bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Thấy rằng, hiện nay các con chung đã có cuộc sống ổn định bên ông M và việc bà C thống nhất giao các con chung cho ông M tiếp tục nuôi dưỡng là tự nguyện và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được chấp nhận. Bà C không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C thống nhất cấp dưỡng nuôi các con chung theo quy định pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê K C được ly hôn với ông Trần Văn M.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Lê Thị Đ - sinh ngày 19/10/2007 và Trần Thái H - sinh ngày 04/7/2012 cho ông Trần Văn M tiếp tục nuôi dưỡng. Bà C không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

Bà Lê K C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 750.000 đồng/01 người con/tháng (1.500.000 đồng/02 người con/tháng), cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính kể từ ngày 24/11/2022.

*Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê K C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng. Ngày 05/10/2022 bà C đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0005417 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ. Bà C còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh H, huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kiều Trang**